

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/DS-ST

Ngày: 19 - 8 - 2019.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Thạch

2. Ông Nguyễn Công Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay T sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1955; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị M**, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2019); vắng mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị **Ngụy Phát Thùy D**, sinh năm 1992; vắng mặt.

2.2. Anh **Nguyễn Khắc D1**, sinh năm 1992; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn C, huyện Tân Châu, Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Nguyễn Thị M1**, sinh năm 1961; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Ông **Nguyễn Khắc T1**, sinh năm 1957; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2018 của nguyên đơn bà Trương Thị T cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đỗ Thị M trình bày:

Vào ngày 30/5/2018 vợ chồng chị D, anh D1 có vay của bà Trương Thị T số tiền 620.000.000 đồng, trong đó tiền góp là 520.000.000 đồng, tiền đứng là 100.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 4.500.000 đồng với số tiền vay 520.000.000 đồng và trả góp 3.000.000 đồng với số tiền vay 100.000.000 đồng, góp đến hết thì thôi, lúc này anh D1, chị D có đưa cho bà T giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 giấy viết tay cho tặng đất để làm tin, gồm:

- 01 giấy CNQSDĐ có diện tích 2.490,3 m²; thửa số 95; tờ bản đồ số 59 do ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- 01 giấy CNQSDĐ có diện tích 3.000 m²; thửa số 2833; tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- 01 giấy cho tặng đất (viết tay) ngày 10/7/2017

- 01 giấy cho tặng đất (viết tay) ngày 07/9/2006.

Khi đưa cho bà T giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 02 giấy tay tặng cho đất thì chị D, anh D1 có chót lại số tiền vay và cùng cùng ký tên.

Từ khi chị D, anh D1 vay tiền thì có trả góp cho bà T được số tiền 46.000.000 đồng, còn nợ lại 574.000.000 đồng.

Nay, bà T yêu cầu chị D, anh D1 trả số tiền còn nợ 574.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện với số tiền vay gốc là 46.000.000 đồng và tiền lãi là 32.550.000 đồng.

Bị đơn - Chị Ngụy Phát Thùy D trình bày:

Khoảng năm 2017, chị có vay tiền của bà Trương Thị T qua nhiều lần tổng cộng là 620.000.000 đồng, chị và anh Nguyễn Khắc D1 có ký tên vào giấy nợ. Sau khi viết giấy nợ thì chị có góp tiền cho bà T mỗi ngày 4.500.000 đồng tiền góp và 300.000 đồng tiền lãi, tổng cộng góp mỗi ngày là 4.800.000 đồng, góp khoảng 01 tháng. Sau khi góp khoảng 01 tháng thì chị không còn khả năng góp nữa nên xin góp mỗi ngày 3.000.000 đồng, góp khoảng 15 ngày thì ngưng, khi góp tiền thì bà T ghi vào sổ của bà T, bà T không ghi giấy tờ gì cho chị, sau đó chị không có tiền để trả nên ngưng không góp mỗi ngày 3.000.000 đồng mà chuyển sang góp mỗi tháng là 5.000.000 đồng, chị góp khoảng 02 hay 03 tháng (không nhớ cụ thể) thì ngưng, sau đó chị góp mỗi tháng là 3.000.000 đồng, góp khoảng 02 tháng thì ngưng.

Khi vay thì chị và anh D1 có giao cho bà Trương Thị T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 giấy tặng cho đất (viết tay) để làm tin. Những giấy tờ này không liên quan gì đến việc chị nợ bà T nên chị yêu cầu nhận lại những giấy tờ này.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền vay 574.000.000 đồng chị đồng ý trả, chị không đồng ý trả tiền lãi.

Bị đơn - Anh Nguyễn Khắc D1 trình bày:

Anh là chồng của chị Ngụy Phát Thùy D, anh thống nhất với lời trình bày của chị D, anh không có ý kiến bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị M1 trình bày:

Bà là vợ ông T1, là mẹ của anh D1, là mẹ chồng của chị D. Bà không biết việc anh D1, chị D vay tiền của bà T. Khoảng gần tết âm lịch năm 2018 thì bà T có đến để yêu cầu bà trả tiền thay cho anh D1 nhưng bà không đồng ý trả vì nợ của anh D1, chị D không liên quan gì đến bà. Bà không nhớ rõ thời gian nào bà có ký giấy tay tặng cho đất cho chị D, anh D1 02 quyền sử dụng đất gồm:

- 01 quyền sử dụng đất có diện tích 2.490,3 m²; thửa số 95; tờ bản đồ số 59 do ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- 01 quyền sử dụng đất có diện tích 3.000 m²; thửa số 2833; tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này hiện nay bà T đang giữ, bà yêu cầu bà T trả lại cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Ông là cha của anh D1, cha chồng của chị D, bà M1 là vợ của ông. Việc anh D1, chị D có vay tiền của bà Trương Thị T hay không thì ông không biết. Trước đây, ông có tặng cho anh D1, chị D (nhưng chưa làm thủ tục tách sổ sang tên) 02 quyền sử dụng đất gồm:

- 01 quyền sử dụng đất có diện tích 2.490,3 m²; thửa số 95; tờ bản đồ số 59 do ông và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- 01 quyền sử dụng đất có diện tích 3.000 m²; thửa số 2833; tờ bản đồ số 03 do ông và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Do ông đã tặng cho anh D1, chị D đất nên ông không yêu cầu nhận lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh D1, chị D đã giao cho bà T giữ.

Về số tiền vay mà bà T yêu cầu anh D1, chị D trả thì ông không liên quan và cũng không có ý kiến gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Bà Trương Thị T là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà T là bà Đỗ Thị Mai vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Khắc D1 là bị đơn, vắng mặt đã được

Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Ngụy Phát Thùy D là bị đơn; ông Nguyễn Khắc T, bà Nguyễn Thị M1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, bà M, chị D, anh D1, ông T, bà M1 là có căn cứ.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 464 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với chị Ngụy Phát Thùy D và anh Nguyễn Khắc D1 về số tiền vay gốc là 574.000.000 đồng. Bà T có trách nhiệm trả lại cho anh D1, chị D 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận số BS667898, thửa số 95, tờ bản đồ 59, diện tích 2.490,3 m² và giấy chứng nhận số AL210246, thửa 2833, tờ bản đồ số 3).

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, T liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị T là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà T là bà Đỗ Thị M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Khắc D1 là bị đơn, vắng mặt đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Ngụy Phát Thùy D là bị đơn; ông Nguyễn Khắc T1, bà Nguyễn Thị M1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, bà M, chị D, anh D1, ông T1, bà M1.

[2] Về nội dung vụ án: Chị D, anh D1 có vay tiền của bà T nhiều lần, đến ngày 30/5/2018, chốt lại số tiền vay là 620.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận trả tiền góp, chị D trả góp đến ngày 15/7/2018 được 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 580.000.000 đồng, chị D có viết giấy nợ giao cho bà T giữ và thỏa thuận trả tiền góp mỗi ngày là 1.500.000 đồng đến khi trả xong nợ, nhưng sau đó chị D chỉ góp được mỗi ngày 1.000.000 đồng, được 06 ngày thì ngưng nên các bên xảy ra tranh chấp. Khi vay, chị D, anh D1 có giao cho bà T 01 quyền sử dụng đất có diện tích 2.490,3 m²; thửa số 95; tờ bản đồ số 59 do ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; 01 quyền sử dụng đất có diện tích 3.000 m²; thửa số 2833; tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; 02 giấy cho tặng đất (viết tay) ngày 10/7/2017 và ngày

07/9/2006 để làm tin. Khi vay hai bên không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với anh D1, chị D về số tiền vay gốc là 574.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy nợ ngày 30/5/2018, chị D, anh D1 thừa nhận có ký giấy nhận nợ cho bà Trương Thị T số tiền 620.000.000 đồng và thừa nhận có nợ bà T số tiền vay 620.000.000 đồng. Chị D cho rằng sau khi ký giấy nợ trên thì chị có trả góp hằng ngày cho bà T nhưng không rõ cụ thể bao nhiêu. Bà T thừa nhận sau ngày 30/5/2018, chị D có trả góp cho bà nhiều lần tổng cộng là 46.000.000 đồng, bà có ghi vào sổ theo dõi của bà. Nên căn cứ vào chứng cứ, T liệu bà T đã cung cấp, lời trình bày của bà T xác định sau khi chốt giấy nợ ngày 30/5/2018 thì chị D, anh D1 có trả góp được 46.000.000 đồng, còn nợ lại bà T số tiền 574.000.000 đồng. Chị D thừa nhận còn nợ lại bà T số tiền 574.000.000 đồng. Bà T yêu cầu chị D, anh D1 trả số tiền vay 574.000.000 đồng, chị D đồng ý trả cho bà T số tiền trên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện của số tiền vay gốc là 46.000.000 đồng và tiền lãi là 32.550.000 đồng, việc rút yêu cầu này của bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu của bà T đối với chị D, anh D1 về số tiền vay gốc là 46.000.000 đồng và tiền lãi là 32.550.000 đồng.

[5] Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02294, cấp ngày 14/8/2014, phần đất có diện tích 2.490,3 m²; thửa số 95; tờ bản đồ số 59 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, Tây Ninh cấp ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02171...1776/QĐ-UB, cấp ngày 27/8/2008, phần đất có diện tích 3.000 m²; thửa số 2833; tờ bản đồ số 03 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, Tây Ninh cấp ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; 02 giấy cho tặng đất (viết tay) ngày 10/7/2017 và ngày 07/9/2006. Khi vay tiền của bà T, chị D, anh D1 giao cho bà T giữ để làm tin, các bên không làm thủ tục thế chấp theo quy định, bà T đồng ý trả cho chị D, anh D1 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 giấy cho tặng đất trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Bà Nguyễn Thị M1 yêu cầu được nhận lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, yêu cầu này của bà M1 sẽ được tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi bà M1 có đơn yêu cầu.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của bà Trương Thị T được chấp nhận nên chị Nguyễn Phát Thùy D, anh Nguyễn Khắc D1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với chị Nguyễn Phát Thùy D và anh Nguyễn Khắc D1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Nguyễn Phát Thùy D và anh Nguyễn Khắc D1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị T số tiền 574.000.000 (năm trăm bảy mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thị T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Nguyễn Phát Thùy D, anh Nguyễn Khắc D1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bà Trương Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Phát Thùy D và anh Nguyễn Khắc D1 các giấy tờ sau: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02294 (bản chính), cấp ngày 14/8/2014, phần đất có diện tích 2.490,3 m²; thửa số 95; tờ bản đồ số 59 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, Tây Ninh cấp ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02171...1776/QĐ-UB (bản chính), cấp ngày 27/8/2008, phần đất có diện tích 3.000 m²; thửa số 2833; tờ bản đồ số 03 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, Tây Ninh cấp ông Nguyễn Khắc T1 và bà Nguyễn Thị M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và 02 giấy cho tặng đất (viết tay) ngày 10/7/2017 và ngày 07/9/2006 (bản chính).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với anh Nguyễn Khắc D1, chị Nguyễn Phát Thùy D về số tiền vay gốc là 46.000.000 đồng và tiền lãi là 32.550.000 đồng.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Phát Thùy D và anh Nguyễn Khắc D1 phải chịu 28.700.000 (hai mươi tám triệu bảy trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan